

LỖI NGỮ PHÁP THƯỜNG GẶP Ở SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH TIẾNG TRUNG GIAI ĐOẠN SƠ - TRUNG CẤP VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC

Nguyễn Châu Minh Thư*

ABSTRACT

Language plays a significant role in communication and grammar is an integral part of any languages. The sentences of the language makes sense when the grammar is correct. In this way, it is more important to realize the importance of grammar in a Chinese language. Since grammar is the structure and key to the cohesion of a language, Chinese grammar teaching is an important job.

Keywords: Grammar; Chinese; structure; grammatical errors

Received: 20/01/2022; Accepted: 27/01/2022; Published:10/02/2022

1. Đặt vấn đề

Rất nhiều người đã biết tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu nhưng tiếng Trung lại là ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi nhất trên thế giới. Tiếng Trung kết nối với gần 1/6 dân số thế giới, bao gồm hơn 1,4 tỷ người Hoa và cộng đồng người Hoa nói tiếng Trung ở nước ngoài. Vì vậy, việc trang bị cho mình vốn tiếng Trung phong phú không chỉ giúp sự nghiệp phát triển trong nước mà còn vươn ra toàn cầu.

Trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế, công việc không chỉ liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ mà còn cần khả năng ngoại ngữ. Biết thêm một ngoại ngữ là cơ hội tốt để tìm kiếm một công việc tốt với mức lương cao và cơ hội thăng tiến trong tương lai.

Nhiều SV sớm nhận ra tầm quan trọng của việc thành thạo ngoại ngữ đối với tương lai của mình nên cố gắng trau dồi vốn từ vựng và khả năng giao tiếp nhanh. Đồng thời, một số bạn vẫn thấy việc học ngoại ngữ rất khó khăn và nhàm chán. Một trong những nguyên nhân chính là do người học không tìm được cách học thoải mái hay phương pháp học hợp lý.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tầm quan trọng của ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Trung

Ngữ pháp là một khái niệm then chốt trong ngôn ngữ học nói chung và việc dạy tiếng Trung nói riêng. Ngữ pháp được coi là một phần quan trọng của ngôn ngữ và do đó được giảng dạy chi tiết bằng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau.

Học một ngôn ngữ mới luôn đồng nghĩa với việc học ngữ pháp của nó. Khi đó, việc giảng dạy ngữ

pháp nên ở độ sâu nào trong bài giảng và những khía cạnh quan trọng nào của việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai mà người dạy trong lớp học nên xem xét. Ngoài ra còn có câu hỏi làm thế nào người học nói chung tiếp thu các cấu trúc ngữ pháp. Nếu người học mới bắt đầu học tiếng Trung hoặc đang có ý định học tiếng Trung mà bỏ qua ngữ pháp cơ bản của tiếng Trung như vậy sẽ là một lỗ hổng lớn. Có lẽ nhiều người trong chúng ta đều biết học tiếng Trung không khó, cái khó chính là làm sao chúng ta có thể học và phát triển thành kiến thức nâng cao.

2.2. Các lỗi SV thường gặp và giải pháp khắc phục

2.2.1. Cách dùng “的” ở cấu trúc định ngữ

Theo tác giả Liu “的” là từ được sử dụng thường xuyên nhất trong các hạt cấu trúc. Nó là một từ kết nối giữa thuộc tính và phần đầu của nó (Liu Yuehua, 2007). Còn theo tác giả Chao cho rằng tất cả các cấu trúc từ của “的” phân mô tả không mạnh bằng mục đích tính năng hạn chế.

“的” sẽ thường gặp cấu trúc câu có định ngữ và trung tâm ngữ, xuất hiện nhiều ở khẩu ngữ. Trong đó: định ngữ: thành phần bổ sung ý nghĩa cho danh từ, biểu thị sở hữu, trạng thái hay tính chất của người hoặc vật. Định ngữ có thể là danh từ, đại từ, tính từ hay cụm chủ - vị. Trung tâm ngữ: là đối tượng chính được nhắc đến trong câu, thường đứng sau “的” và được định ngữ bổ sung ý nghĩa. Trợ từ kết cấu “的” được đặt giữa định ngữ và trung tâm ngữ, liên kết hai thành phần này với nhau tạo thành một cụm danh từ.

SV giai đoạn sơ - trung vẫn còn dễ nhầm cấu trúc trên bắt buộc lúc nào cũng dùng “的”. Nhưng khi tính từ một âm tiết đứng trước “的” thì có thể bỏ qua.

* Trường Đại học Đồng Tháp

Ví dụ: 一家大的公司 có thể lược thành 一家大公司 (một công ty lớn); 新的笔 thì thành 新笔 (cái bút mới). Nhưng khi có trạng từ đứng trước tính từ một âm tiết, lại không được bỏ qua “的”, ví dụ 一家比较大的公司 (một công ty khá lớn).

Khi có tính từ hai âm tiết làm định ngữ, phải thêm “的” trước danh từ trong định ngữ. Ví dụ 我姐姐是一个非常可爱的人。(Em gái tôi là người rất đáng yêu.)

Vẫn còn một số SV cảm thấy phân vân khi gặp tính từ lặp lại. Khi có tính từ lặp lại trong thành phần định ngữ, thì phải thêm “的”. Ví dụ 黑黑的头发 (mái tóc đen đen); 红红的书包 (chiếc cặp màu đỏ).

Khi định ngữ là cụm chủ vị, vì SV bị ảnh hưởng tiếng Việt nên diễn đạt câu không đúng thứ tự vị trí. Ví dụ để diễn đạt: “món ăn mẹ nấu”, SV sẽ dễ đặt sai vị trí “菜妈妈做的”. Nhưng thật chất cụm chủ vị đúng cần đặt là “妈妈做的菜”. Khi câu có định ngữ là cụm chủ vị, thì cần thêm “的”.

Hoặc các cụm chủ vị như sau cần lưu ý vị trí và có “的”: bài tập tôi đã làm ngày hôm qua 作业我昨天做的, cần chỉnh 我昨天做的作业; cuốn sách bạn đã đưa cho tôi 书你给我的 cần chỉnh 你给我的书. Có trường hợp giữa định ngữ và trung tâm ngữ không cần khi biểu thị phân loại 汉语书, 英文书, 法国地图, 北京烤鸭,...

2.2.2. Câu chữ 把

Nhắc đến ngữ pháp tiếng Trung thì không thể không nhắc đến câu chữ “把”, mặc dù câu chữ “把” được xem là một ngữ pháp rất quan trọng kể cả trong các kỳ thi và cả trong khẩu ngữ hằng ngày. Được dùng để nhấn mạnh, làm nổi bật vào thành phần tân ngữ. Tương tự như tiếng Việt “lấy cái gì đó để làm gì”. Trong quá trình học tập tiếng Hán, sự xuất hiện đồng thời của “把” (bǎ) trong một câu. Tuy nhiên nhiều người học cảm thấy rất khó khăn và sử dụng thành thạo.

“Sổ tay Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại” NXB Khoa học Xã hội và Nhân văn do Trương Văn Giới – Lê Khắc Kiều Lục biên dịch chỉ ghi: “Câu chữ “把” là một hình thức câu đặc thù trong tiếng Hán, hình thức cơ bản của nó là: Chủ ngữ + 把 + tân ngữ trực tiếp + động từ + thành phần khác (2007, tr.155). Trong đó có bốn dạng thành phần khác mà người học còn hay nhầm lẫn, và phân vị trí của phó từ, động từ năng nguyện trong câu còn hay bị bối rối.

a. Thành phần khác: Cấu trúc cơ bản của câu chữ “把” bao gồm: Chủ ngữ, “把” Tân ngữ, Động từ và Thành phần khác. Nhưng người học rất hay quên hoặc thậm chí chưa thấy được tầm quan trọng

và cách dùng của “Thành phần khác” này. Rất nhiều trường hợp ở bài tập phân tích câu SV chưa phân loại được các yếu tố có thể đảm nhận được vai trò “Thành phần khác”.

- Dạng thứ nhất “Thành phần khác” là tân ngữ. Câu chữ “把” có thể làm thay đổi vị trí của tân ngữ; hay làm thay đổi trạng thái của tân ngữ.

a/ 他把礼物给小月。(Anh ấy đưa quà cho Tiểu Nguyệt.)

b/ 我把书放在桌子上。(Tôi đặt sách trên bàn.)

c/ 他把“土”字写成“士”字了。(Cậu ấy viết chữ 土 thành chữ 士.)

- Dạng thứ hai “Thành phần khác” là bổ ngữ

a/ 她把衣服洗干净了。(Cô ấy đã giặt sạch quần áo.)

b/ 他把门关上。(Anh ấy đóng cửa)

- Dạng thứ ba “Thành phần khác” là động từ trùng điệp. Điều này chỉ ra rằng hành động được hoàn thành và một cái gì đó đã xảy ra với đối tượng. Lưu ý rằng việc lặp lại động từ theo cách này cũng giống như thêm một từ 一 ở giữa hoặc 了.

a/ 我把桌子擦擦。(Tôi lau bàn.)

b/ 你们不要忘了把书看看。(Các bạn đừng quên đọc sách.)

- Dạng thứ tư “Thành phần khác” là thành phần khác như trợ từ

a/ 他把门关了。(Anh ấy đã đóng cửa rồi.)

b/ 他把水果吃了。(Anh ấy đã ăn trái cây.)

c/ 你把这本书带着。(Bạn nhớ đem quyển sách này.)

b. Phó từ và động từ năng nguyện luôn đặt trước chữ 把: Một trong những khó khăn dễ thấy của người học khi gặp câu chữ “把” là đặt sai vị trí của phó từ làm trạng ngữ trong câu. Một trong những từ loại có chức năng chủ yếu làm trạng ngữ trong tiếng Trung là phó từ. Vị trí của phó từ trong câu khá linh hoạt, nhưng chủ yếu ở hai vị trí trước và sau chủ ngữ, tuy nhiên việc đặt sai vị trí của một số phó từ vẫn khá phổ biến ở người học hiện nay.

Theo Leech (1983), do dạng phủ định thường cung cấp ít thông tin hơn khẳng định, nên mọi người thường ít quan tâm hơn. Vì vậy dễ dẫn đến nhầm lẫn vị trí đặt của các loại phó từ phủ định.

a/ 你应该把作业做完。(Bạn nên làm xong bài tập về nhà.)

b/ 我没把作业做完。(Tôi chưa xong bài tập về nhà xong.)

c/ 我昨天把作业做完。(Tôi hôm qua xong bài tập về nhà xong.)

2.2.3. Bổ ngữ

熊仲儒 (2013) cho rằng, “Bổ ngữ trình độ, thực chất là bổ ngữ kết quả, bổ ngữ xu hướng hoặc bổ ngữ trạng thái, chỉ là biểu thị ý nghĩa trình độ mà thôi, không nhất thiết phải phân loại”. Nói cách khác, cách nói này có nghĩa là: thông qua động tác, một vật nào đó đạt đến một kết quả hoặc một trạng thái nào đó.

Nhóm lỗi sử dụng bổ ngữ trong tiếng Trung Quốc, khi động từ mang tân ngữ đồng thời có bổ ngữ trình độ thì thường lặp lại động từ sau đó mới thêm bổ ngữ trình độ, vì vậy, trường hợp diễn đạt như sau sẽ bị lỗi:
a/ *他照相得很好看。

Câu đúng他照相照得很好看。(Anh ấy chụp ảnh rất đẹp.)

b/ *我起床很早。

Câu đúng我起床起得很早。(Tôi thức dậy rất sớm.)

SV trước khi tiếp xúc với bổ ngữ kết quả tiếng Trung đã được học bổ ngữ trình độ và bổ ngữ khả năng, những kiến thức này khiến cho SV dễ nhầm lẫn khi học và áp dụng bổ ngữ kết quả. Kết quả phiếu điều tra cho thấy rất nhiều SV giai đoạn sơ trung cấp còn cho rằng “小明没吃完饭就跑出去了” là đúng, còn câu “小明不吃完饭就不可出去” là sai. Hiện tượng này nói lên rằng SV đã nắm được hình thức phủ định của bổ ngữ kết quả là “没 + động từ + bổ ngữ kết quả”, nhưng không để ý tới câu “小明不吃完饭就不可出去” là câu điều kiện giả thiết và trong câu điều kiện giả thiết thì dùng “不” để phủ định bổ ngữ kết quả. Từ đó dẫn đến việc sử dụng nhầm lẫn bổ ngữ kết quả trong tiếng Trung, dẫn đến tạo nên lỗi sai: dùng thay thế sai phó từ phủ định.

Một số động từ trong tiếng Trung khi làm bổ ngữ kết quả thì ý nghĩa từ vựng thay đổi, ví dụ như chữ “见”, ý nghĩa cơ bản là “nhìn và thấy kết quả”. Khi từ “见” làm bổ ngữ kết quả dùng sau các động từ cảm quan “看, 瞧, 望, 听, 闻” biểu thị “động tác có kết quả”, có lúc lại dùng sau “遇, 碰, 梦”. Hoặc như từ “住”, ý nghĩa cơ bản là “ở” nhưng khi làm bổ ngữ kết quả thì biểu thị ý nghĩa “có định vị trí của người và vật thông qua động tác”.

2.2.4 Biện pháp khác phục: Một số biện pháp có thể áp dụng trong giảng dạy ngữ pháp hiện nay có thể kể đến như dạy từ loại; nhấn mạnh đặt ví dụ cũng như các cấu trúc, nhấn mạnh những lưu ý, ngoại lệ của điểm ngữ pháp đó.

Dạy từ loại ngữ pháp tiếng Trung là việc rất cơ bản, nền tảng để người học có cơ sở nắm được thành phần của câu. Từ loại tiếng Trung bao gồm các danh từ, tính từ, động từ, đại từ, số từ và lượng từ, phó từ, giới từ, liên từ, trợ từ, từ tượng thanh, thán từ, câu

trúc, cách đặt câu, số lượng từ và ngữ âm. Khi học tiếng Trung, cần phải ghi nhớ các cấu trúc ngữ pháp, bởi vì chỉ cần nhầm lẫn không biết từ ở đâu trong câu có thể làm thay đổi nghĩa của câu hoặc thậm chí dẫn đến làm câu bị sai. Từ trong tiếng Trung được chia thành hai thành phần chính thực từ và hư từ. Trong đó mười từ loại là: danh từ, động từ, tính từ (hay còn gọi là hình dung từ), từ khu biệt, số từ, lượng từ, phó từ, đại từ, từ tượng thanh, thán từ đều thuộc “thực từ”. Bốn từ loại còn lại bao gồm: giới từ, liên từ, trợ từ, từ ngữ khí đều chỉ về “hư từ”. Nhiều SV chia sẻ là hay gặp khó khăn trong bài làm cấu trúc câu, ngữ pháp tiếng Trung hoặc khi viết một đoạn văn thì có chỗ bị sai ngữ pháp. Nguyên nhân chính là do không nắm vững về từ loại mà mình dùng và cách dùng từ loại đó trong câu. Vì vậy nắm bắt từ loại là một cách giúp học tốt ngữ pháp cơ bản tiên quyết mà người dạy cần lưu ý trang bị cho người học.

Lấy ví dụ cho mẫu ngữ pháp đang học đây là một trong những phương pháp học tiếng Trung hiệu quả, giống với từ vựng ngữ pháp cũng vậy, cũng cần có ví dụ minh họa. Khi học tiếng Trung với các điểm ngữ pháp mới nên trực tiếp đặt ví dụ cho ngữ pháp đã học bằng những từ mới trong bài. Đối với SV ở giai đoạn sơ cấp, GV có thể đặt mẫu ví dụ, hoặc cho SV câu mẫu để đặt ví dụ theo; còn đối với SV khá giỏi có thể để tự SV tự đặt câu và trao đổi với bạn học. Với cách học này, SV có thể nhớ từ vựng và cách sử dụng đúng mẫu ngữ pháp. Hơn nữa, nếu đặt được ví dụ cho mẫu ngữ pháp mới học nghĩa là SV đã hiểu được cách dùng của nó, sau này có gặp mẫu tương tự mình cũng có thể phân biệt được, một lần đặt ví dụ là một lần ghi nhớ vào đại não. GV sẽ chỉnh sửa mẫu câu nếu SV chưa đặt đúng và gợi ý SV cách chỉnh sửa cho phù hợp.

Khi dạy về bổ ngữ kết quả, GV cần phải so sánh bổ ngữ kết quả với hình thức biểu đạt tương đương trong tiếng Việt, tìm ra các điểm giống và khác nhau, nhấn mạnh cho SV những điểm cần lưu ý. Để làm được điều đó, GV cần nắm vững kiến thức tiếng Việt, hiểu được động cơ và trình độ của SV, đặc biệt cần phải nắm được quy luật học tập của SV, chỉ như vậy mới có thể đảm bảo được tính hiệu quả của việc dạy học.

Áp dụng phương pháp giảng dạy tình giảng kết hợp luyện tập, có nghĩa là GV sẽ chỉ giảng dạy những điều SV có thể hiểu được và để cho SV có nhiều cơ hội luyện tập, vì kĩ năng ngôn ngữ không phải dạy là biết được, mà phải luyện mới nắm bắt được. GV cần đưa ra các nhiệm vụ cụ thể cho SV, yêu cầu SV hoàn thành

(Xem tiếp trang 106)

Bài tập chiến thuật 3: Tập tấn công nhanh, phòng thủ nhanh.

Cách thức: Người hạng cân trên thi đấu với người hạng cân dưới có thêm người trợ giúp; hạng cân thấp của nam thi đấu với hạng cân cao của nữ. Khi có lệnh của trọng tài thì 1 bên ra đón tấn nhanh, bên còn lại thủ nhanh và lấy lại tư thế và tấn công lại.

Bài tập chiến thuật 4: Tập lắc gậy, thúc gậy, xoay gậy

Cách thức: Hạng cân trên trụ để cho hạng cân dưới lắc gậy, thúc gậy, xoay gậy.

Lưu ý: Hạng cân trên chỉ được phép trụ, không được đẩy; Hạng cân trên phải lắc gậy, thúc gậy, xoay gậy liên tục và tích cực. Thời gian mỗi lần từ 4 phút trở lên.

Bài tập chiến thuật 5: Tập ép gậy thủ, hạn chế tấn công đối phương.

Cách thức: Hạng cân dưới trụ ở thế thấp để cho hạng cân trên tấn công ở tư thế cao hơn. Mục đích khi thi đấu gặp đối thủ mạnh hơn khi họ đang tấn công dồn dập thì nhanh chóng hạ thấp trọng tâm để thủ và tìm cơ hội phản công hoặc thủ hòa cho hết thời gian, chờ hiệp khác để tinh tiếp

Bài tập chiến thuật 6: Tập nâng gậy tấn công

Cách thức: Hạng cân dưới trụ ở tư thế cao để cho hạng cân trên nâng gậy ở tư thế thấp. Mục đích khi thi đấu gặp đối thủ cố tình cố thủ để hòa nhằm tạo lợi thế khi kết thúc trận đấu. Cần có các đòn nâng gậy tạo áp lực buộc đối phương khó phòng thủ để dành thắng lợi.

3. Kết luận

LỖI NGỮ PHÁP THƯỜNG GẶP Ở SINH VIÊN... (tiếp theo trang 83)

các bài tập liên quan tới bộ ngữ kết quả như: điền vào chỗ trống, ghép hai câu đơn thành câu ghép có sử dụng bộ ngữ kết quả, phán đoán đúng sai, cũng như kết hợp bài tập dịch thuật. Ngoài ra cần yêu cầu SV sử dụng các bộ ngữ kết quả đã học vào giao tiếp thực tế.

3. Kết luận

Vai trò của ngữ pháp trong lớp học ngoại ngữ là một chủ đề được tranh luận gay gắt trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ thứ 2. Trong lịch sử, đã có nhiều sự thay đổi trong quan điểm phổ biến về trình bày ngữ pháp. Theo truyền thống, ngữ pháp đóng một vai trò nặng nề trong giáo dục ngoại ngữ, thường là hoạt động duy nhất trong lớp học. Trong những năm gần đây, đã có sự thúc đẩy đối với các bài thuyết trình ngữ pháp ngầm tập trung hơn chủ yếu vào việc sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.

Mục đích chính của GV trong việc dạy ngữ pháp

Quá trình nghiên cứu đã chọn được 07 bài bộ trợ kỹ thuật và 06 bài tập chiến thuật nhằm nâng cao kết quả học tập và hiệu quả thi đấu môn đẩy gậy, ngoài ra giúp SV phát triển đều đặn những nhóm cơ chủ yếu, hình thành tư thế đúng đắn, điều chỉnh linh hoạt sự vận động của cơ thể trong quá trình tập luyện, giáo dục SV được đức tính cẩn thận, chăm chỉ biết vượt khó vươn lên, đặc biệt là tính đoàn kết. Đồng thời làm cơ sở định hướng cho SV trong việc lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng khiếu bản thân.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lâm và cộng sự (2006). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học Thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
2. Nguyễn Toán (2005), Đặc điểm môn học TD ở nước ta hiện nay, Khoa học Thể thao số 5, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội, tr. 7 – 11.
3. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, NXB TDTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Tuyền, Hồ Đắc Sơn (2011), Đào tạo giáo viên TDTT – Những tồn tại từ thực tiễn, Tạp chí Khoa học thể thao số 4, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội, tr. 11 – 14.
5. Viện Khoa học TDTT (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 đến 20 tuổi (thời điểm năm 2001)*, NXB TDTT, Hà Nội.

là dạy cấu trúc của ngôn ngữ một cách có hệ thống và làm cho SV nắm bắt tốt ngôn ngữ để tạo ra các cấu trúc ngữ pháp đã học chính xác khi họ sử dụng chúng trong các tình huống thực tế ở dạng nói hoặc viết.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Chao, Y. R. (1968), *A Grammar of Spoken Chinese*. Berkeley: University of California Press.
- [2]. Leech, G. N. (1983), *Principles of Pragmatics*. London; New York: Longman Inc.
- [3]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục (2007), *Sổ tay ngữ pháp tiếng Hán hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội.
- [4]. 熊仲儒 (2013), *当代语法学教程*, 北京大学出版社.
- [5]. 刘月华 (2007), *实用现代汉语语法 (增订本)*. 北京: 商务印书馆.